

**UBND TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Mã ngành: 7.14.02.01**

**Thanh Hóa, 2021**

## MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	3
1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin chung về chương trình .....	4
3. Mục tiêu đào tạo của chương trình.....	4
4. Nội dung chuẩn đầu ra .....	6
5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo .....	8
6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	8
7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá.....	9
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	13
1. Cấu trúc chương trình dạy học .....	13
2. Danh sách và mô tả các học phần .....	13
3. Trình tự nội dung chương trình dạy học .....	63
4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.....	64

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành: **Giáo dục mầm non**; Trình độ: **Đại học**

*(Ban hành theo QĐ số 1713/QĐ-ĐHHD ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)*

### **I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục mầm non được xây dựng lần đầu vào năm 1997 với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non cho các cơ sở giáo dục mầm non của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Từ năm 1997 đến nay, chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ đại học đã được điều chỉnh 05 lần (vào các năm: 2011, 2015, 2016, 2017 và 2018) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục. Năm 2017, chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên học chế tín chỉ. Năm 2021, chương trình lại được điều chỉnh dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo của nhiều trường đại học lớn trong nước như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hồ Chí Minh, Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên...

Chương trình đào tạo bao gồm 124 tín chỉ, trong đó, khối kiến thức chung 43 tín chỉ (có 02 tín chỉ tự chọn), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 68 tín chỉ (có 18 tín chỉ tự chọn), thực tập, kiến tập, thực tế, khóa luận/HP thay thế 13 tín chỉ. Tổng số học phần bắt buộc 38 (98 tín chỉ) và 10 học phần thay thế/tự chọn (26 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 2: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 3: gồm 7 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 7: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; và kỳ 8: gồm 2 học phần và thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, 11 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1017, giờ bài tập, thảo luận và thực hành: 1356; giờ kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm và luận văn tốt nghiệp/học phần thay thế 273.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Khoa gồm 28 người, trong đó có 23 giảng viên (06 tiến sĩ và 17 thạc sĩ, 01 cử nhân - đang học thạc sĩ) và 05 cán bộ hành chính. Các cán bộ, giảng viên là những người có năng lực chuyên môn tốt, có tín nhiệm cao của sinh viên. Chương trình có 01 đợt kiến tập sư phạm và 01 đợt thực tập sư phạm cuối khóa, 01 đợt thực tế sư phạm; nhiều học phần còn dành số tiết để sinh viên đến các trường mầm non trong tỉnh để thực hành kiến thức môn học. Chương trình đào tạo có tính mềm dẻo và linh hoạt vì có 21,48% số tín chỉ cho các môn học tự chọn. Tất cả các học phần trong chương

trình đào tạo đều có đầy đủ tài liệu học tập cho sinh viên. Chương trình được các bên liên quan đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn.

## **2. Thông tin chung về chương trình**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Mầm non
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Early Childhood Education
Mã ngành đào tạo:	7140201
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 124 tín chỉ</li><li>- Điểm TBC tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên</li><li>- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam).</li></ul>
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là giáo viên mầm non tại các trường mầm non công lập.</li><li>- Là giáo viên mầm non tại các trường mầm non ngoài công lập.</li><li>- Làm giáo viên, nhân viên cho các tổ chức giáo dục quốc tế trong nước.</li></ul>
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo xây dựng:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chương trình GDMN - Trường ĐH SP Hà Nội</li><li>- Chương trình GDMN - Trường ĐH SP TP. HCM</li><li>- Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên...</li></ul>
Thời gian cập nhật bản mô tả	§ /2021

CTĐT

## **3. Mục tiêu đào tạo của chương trình**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Chương trình được thiết kế để đào tạo giáo viên mầm non đạt được các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp ngành giáo dục mầm non; có trình độ lý luận chính trị; có đầy đủ kiến thức cơ bản về văn hóa, môi trường, con người; có kiến thức quốc phòng - an ninh; kiến thức giáo dục thể chất; có kiến thức Tiếng Anh đạt chuẩn và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; có sức khỏe, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có kiến thức cơ bản

và chuyên sâu về GDMN, có năng lực sư phạm; có khả năng giải quyết những vấn đề do yêu cầu thực tiễn giáo dục đặt ra và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển năng lực nghề nghiệp.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

PO1: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO2: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Người học được cung cấp kiến thức về tâm lý học, tâm lý lứa tuổi mầm non, các kiến thức cơ bản về giáo dục học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường mầm non; cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, nghề mầm non và hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường mầm non; những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai.

PO5: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, văn học dân gian, văn học trẻ em, văn hóa Việt Nam, khoa học giáo dục; lập được kế hoạch tổ chức được hoạt động dạy học và vận dụng những kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực chuyên môn cũng như trong cuộc sống.

PO6: Người học nắm vững kiến thức cơ bản về âm nhạc và múa, đàn Organ- chỉ huy đàn dựng; phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non; lập được kế hoạch tổ chức được hoạt động dạy học âm nhạc và múa trong trường mầm non.

PO7: Người học nắm vững kiến thức cơ bản về mỹ thuật cơ bản, nâng cao, kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi, lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; lập được kế hoạch tổ chức được hoạt động dạy học mỹ thuật trong trường mầm non.

PO8: Có kiến thức toàn diện, cơ bản về: sinh lý trẻ em, vệ sinh trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ Mầm non; có phương pháp tổ chức thực hành vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non, tổ chức các hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

PO9: Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm của giáo dục mầm non như kiến thức về: Thiết kế kế hoạch dạy học theo chủ đề, chủ điểm của chương trình giáo dục mầm non;

triển khai kế hoạch dạy học đã thiết kế; tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp. Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực; phát triển chương trình môn học; tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục.

PO10: Có kiến thức chuyên sâu về nghề giáo viên mầm non, đánh giá trong giáo dục mầm non, chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ, tổ chức được hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh, giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non.

.PO11. Nắm vững kiến thức cơ bản tiếng Việt và tiếng Việt thực hành ; lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

PO12: Nắm vững kiến thức cơ bản về: Toán cơ sở; Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em; tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ làm quen các biểu tượng toán học, làm quen với toán của trẻ mầm non.

PO13: Nắm vững kiến thức về giao tiếp, biết lắng nghe, trình bày, làm việc nhóm, tự tu dưỡng đạo đức, tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức lập kế hoạch và tham gia các hoạt động ngoại khóa, đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

PO14: Có kiến thức về tự định hướng trong quá trình học tập và giáo dục trẻ mầm non, biết tích lũy kinh nghiệm và đưa ra sáng kiến trong quá trình giáo dục trẻ mầm non; biết lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong nhà trường và trong lớp học.

PO15: Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục ở quy mô trung bình.

#### **4. Nội dung chuẩn đầu ra**

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

PLO1: Đạt trình độ trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng Anh nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập.

PLO2: Sinh viên hiểu, phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

PLO3: Người học hiểu và trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn

thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) để phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

PLO4: Hiểu và trình bày được các đặc điểm tâm lý lứa tuổi mầm non, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường mầm non; biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non; vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục vào quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục, các hoạt động giáo dục trong các trường mầm non, các cơ sở giáo dục mầm non, phát triển năng lực nghề nghiệp và phong cách nhà giáo của mình.

PLO5: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục văn hóa Việt Nam, và vận dụng được những kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực chuyên môn cũng như trong cuộc sống.

PLO6: Hiểu và trình bày được các khái niệm kiến thức cơ bản về âm nhạc và múa, thực hành được các làn điệu múa cơ bản, biết thực hành các điệu múa theo nhạc; sử dụng được đàn Organ ở mức độ cơ bản để áp dụng vào giảng dạy trẻ mầm non, biết dàn dựng các tiết mục biểu diễn; lập được kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc, tổ chức hoạt động múa trong trường mầm non.

PLO7: Hiểu và trình bày được các khái niệm về mỹ thuật cơ bản, nâng cao, thành thạo kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ, nắm vững lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; lập được kế hoạch tổ chức được hoạt động dạy học mỹ thuật trong trường mầm non.

PLO8: Hiểu và trình bày được các kiến thức cơ bản về: sinh lý trẻ em, vệ sinh trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ Mầm non; thành thạo kỹ năng tổ chức thực hành vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non. Biết áp dụng các kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ mầm non.

PLO9: Nghiệp vụ sư phạm đạt chuẩn: Thiết kế được hoạch dạy học theo chủ đề, chủ điểm của chương trình giáo dục mầm non; triển khai thành thạo kế hoạch dạy học đã thiết kế tổ chức tốt mọi hoạt động trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp. Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực; phát triển chương trình môn học; tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục.

PLO10: Hiểu và trình bày được các khái niệm kiến thức chuyên sâu về nghề giáo viên mầm non, đánh giá trong giáo dục mầm non, chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ; lập được kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; nắm được lý thuyết và tổ chức thành thạo hoạt động giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non.

PLO11. Nắm vững kiến thức cơ bản tiếng Việt và tiếng Việt thực hành; văn học trẻ em, văn học dân gian, lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; biết cách hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non.

PLO12: Hiểu và trình bày được các kiến thức cơ bản về: Toán cơ sở; Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em; tổ chức thành thạo các hoạt động cho trẻ làm quen các biểu tượng toán học, cho trẻ làm quen với toán của trẻ mầm non.

PLO13: Giao tiếp tốt, biết lắng nghe, biết trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động giáo dục trẻ mầm non, biết tổ chức làm việc nhóm, có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức lập kế hoạch và tham gia các hoạt động ngoại khóa, đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

PLO14: Biết tư vấn, đánh giá, biết định hướng trong quá trình học tập và giáo dục trẻ mầm non, biết tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để viết sáng kiến kinh nghiệm và đưa ra sáng kiến trong quá trình giáo dục trẻ mầm non; biết lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong nhà trường và trong lớp học; biết cách đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

PLO15: Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy trẻ mầm non ở trường mầm non và các cơ sở giáo dục mầm non; thích nghi nhanh với môi trường làm việc khác nhau, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục ở quy mô trung bình.

### 5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; có năng lực về đọc kể diễn cảm; có năng lực về hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, múa, mỹ thuật); điểm thi THPT của các môn văn hóa thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển phải đạt điểm ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
PO1	3		2	2				2		2					
PO2		5		2	2				4				3		2
PO3	3		3			3		2							
PO4	2			4					4						5
PO5		3			3		3	2					3		
PO6						4			3		3				3
PO7					2		4								
PO8								4							
PO9									4					4	3
PO10				2	3	3	3	3		3	5	3		3	
PO11					3						6				
PO12									3			3		3	3
PO13				3		3			3				3		4



PO14				3					3				5	
PO15		3							3					3

*Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:*

*- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.*

*- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.*

*- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.*

## **7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

### **7.1. Phương pháp dạy - học**

#### **7.1.1. Chuẩn bị của giảng viên**

Giảng viên giảng dạy chương trình Giáo dục mầm non trình độ đại học cần trang bị cho mình những kinh nghiệm dạy học khác nhau. Quá trình này không chỉ bao gồm thiết kế và tự xem lại các bài giảng và giáo trình mà còn bao gồm: i) nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay một seminar nhỏ; lớp học giảng dạy hay lớp học thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn, ii) nắm rõ kiểu dạy học (dạy học thuyết trình, thảo luận, thực hành hay dạy học tích hợp), iii) hiểu rõ sinh viên của mình là ai (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học), iv) hiểu rõ về các chính sách và các hành động thể hiện sự liêm chính trong học tập, v) làm chủ đầu ra của chương trình học, vi) phát triển những mối quan hệ làm việc hiệu quả giữa người dạy và các nhân viên hỗ trợ khác.

#### **i. Thiết kế bài giảng và khóa trình**

Một bài giảng hiệu quả cần bắt đầu từ việc hiểu rõ đối tượng sinh viên, quyết định xem người dạy muốn người học học được điều gì, quyết định cách mà người dạy sẽ đánh giá thành tích học tập của người học; và lên kế hoạch các hoạt động, bài tập và tư liệu nhằm hỗ trợ việc học cho người học.

#### **ii. Giảng dạy các kiểu lớp học khác nhau**

Mỗi lớp học đều khác nhau về số lượng và mục tiêu (thảo luận, giảng dạy, thực hành, hay kết hợp) và được chia ra dựa trên quy định. Người dạy cần xem xét về những tính chất riêng biệt của thành phần lớp học, từ đó thiết kế nên cấu trúc của khóa học, các bài tập và hoạt động để hỗ trợ tối đa việc học của người học. Việc chú ý tới những chi tiết này sẽ tạo ra một môi trường học tập mà ở đó người học có thể dễ dàng đạt được những mục đích của mình.

#### **iii. Tạo lập các mối quan hệ giữa người dạy và trợ lý phòng thực hành**

Sự phối hợp và hợp tác luôn là nền tảng cho sự thành công của một đội ngũ người dạy- trợ lý phòng thực hành. Đặt ra những mục tiêu phù hợp, phân chia công việc và thiết lập các phương thức giao tiếp hiệu quả từ đầu sẽ làm tăng khả năng thành công, tham gia bàn bạc các vấn đề liên quan đến khóa học như chấm điểm, giờ học thực hành, nội dung bài giảng và mối liên kết giữa các sinh viên.

### **7.1.2. Các phương pháp dạy - học**

Việc kết nối người học với quá trình học mà ở đó họ là trung tâm giúp người học cải thiện khả năng tập trung, thúc đẩy họ luyện tập những kỹ năng tư duy bậc cao và đem lại nhiều trải nghiệm học tập có ý nghĩa. Khi kết hợp nhiều chiến lược học khác nhau vào trong một bài giảng, giảng viên cần xem xét kỹ các cách để đặt ra được những mục tiêu rõ ràng, thiết kế những chiến lược nhằm đánh giá một cách hiệu quả và cung cấp các cơ chế giúp người học đưa ra phản hồi để từ đó tiếp tục cải thiện chương trình.

i. Lớp học đảo ngược: Lớp học đảo ngược là một trong những cách tiếp cận cơ bản trong việc dạy học. Với cách tiếp cận này, thời gian trong lớp được "cơ cấu" lại để dành cho những câu hỏi, ứng dụng và đánh giá để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi người học

ii. Học tập chủ động: Việc học tập chủ động yêu cầu người học thực sự tham gia vào lớp học, thay vì chỉ ngồi trật tự nghe giảng. Các chiến lược thường bao gồm: các phần hỏi và trả lời ngắn, những cuộc thảo luận được lồng ghép vào trong bài giảng, các bài tập không yêu cầu sự chuẩn bị trước, các hoạt động thực hành và các buổi học mang tính trải nghiệm.

iii. Thảo luận: Để một cuộc thảo luận thành công thì việc chuẩn bị trước giúp người dạy vạch ra một mục tiêu rõ ràng cho cuộc thảo luận và xác định được phương pháp đánh giá rõ ràng. Điều này giúp lớp học có thể giải quyết các vấn đề thông qua bối cảnh, từ đó gia tăng sự tò mò và sự chú tâm của người học đối với nội dung bài giảng.

iv. Cách làm việc với những lớp học lớn: Những lớp học lớn (thường 60 người trở lên), trong một lớp học lớn, mọi thứ cần được thiết kế để giúp người học chủ động giải quyết các vấn đề, tương tác với những người học khác và với người hướng dẫn, từ đó hiểu được nội dung bài học.

v. Dạy học với công nghệ: Các công nghệ trong lớp học, máy tính, wiles, các công cụ trên mạng (blogs, các diễn đàn trực tuyến, bách khoa toàn thư,...) và các nguồn học liệu cũng như các phương tiện dạy học khác (trình chiếu, màn hình chung, bài giảng từ xa, video dạy học) luôn được tích hợp vào chương trình giảng dạy. Những công cụ này có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ người học theo những cách sáng tạo khi được liên kết với những mục tiêu và nội dung bài giảng của người dạy.

### **7.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- Sự tự đánh giá quá trình giảng dạy: Việc thực hiện tự đánh giá là vô cùng quan trọng đối với mỗi người dạy. Việc liên tục dẫn giải, chú thích các bài tập, bài kiểm tra và kế hoạch của lớp học là một chiến lược tuy đơn giản nhưng phù hợp trong việc theo dõi sự giảng dạy. Điều này giúp người dạy theo dõi xem nên giữ hay loại bỏ điều gì khi lên lớp một lần nữa. Những bản tóm tắt vào cuối mỗi kì học cũng giúp người dạy nhìn nhận lại những gì mình đã làm và là những kinh nghiệm quan trọng cho sự phát triển của những lớp học mới, những phiên bản cải thiện của các lớp học trước đây.

- Thu thập phản hồi từ người học: Việc thu thập thông tin từ người học thông qua trải nghiệm của họ trong lớp học là một cách vô cùng giá trị để đánh giá việc giảng dạy của người dạy. Có rất nhiều cách để làm điều này: khảo sát trực tuyến và thực tế, emails góp ý, đối thoại mở hay đơn phản hồi mở. Phương thức nào là tốt nhất phụ thuộc vào mục tiêu đánh giá của người dạy và loại thông tin mà người dạy cần.

- Hợp tác với đồng nghiệp: Người dạy có thể tìm hiểu cách đánh giá của đồng nghiệp để có được cái nhìn đa chiều trong việc dạy - học và đánh giá người học.

## **7.2. Các phương thức đánh giá việc học**

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định ở Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đồ án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

### **7.2.1. Đánh giá quá trình**

Kỹ năng đánh giá quá trình giúp người dạy quản lý việc học của người học trong quá trình học. Những phản hồi ghi nhận được được sử dụng để giúp người dạy phát hiện những khó khăn mà người học đang gặp phải, từ đó người dạy có thể điều chỉnh việc dạy, còn người học có thể điều chỉnh việc học của mình. Đây là những đánh giá bậc thấp thường diễn ra sớm và thường xuyên vào mỗi kì học, đánh giá quá trình bao gồm:

- Các bài viết ngắn: Phương pháp đánh giá thông dụng này yêu cầu người học nhớ ngay những gì mình vừa học để trả lời về những điều quan trọng nhất mà họ học được và những điều khó khăn nhất đã trải qua.

- Kiểm tra sự hiểu biết: Việc dừng lại sau một vài phút để kiểm tra xem liệu người học có đang bắt kịp được với bài học không giúp nhận ra những lỗ hổng trong hiểu biết, mà còn giúp chia các bài giảng (sử dụng Clicker questions - câu hỏi chọn) hay các bài học trực tuyến (sử dụng embedded quiz questions - câu hỏi phức) thành các phần nhỏ để hiểu hơn.

- Câu hỏi cuối bài: Hoạt động kết thúc bài học, qua việc sử dụng một bộ các câu hỏi củng cố, có thể giúp người học xây dựng kỹ năng quản lý việc học của họ và thích nghi nếu cần thiết.

- Hoạt động trên lớp: Việc chia học sinh ra thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề, phân tích các ví dụ thực tiễn sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho việc học giữa người học và những cuộc thảo luận trong lớp. Người dạy và các trợ giảng quản lý công việc của người học, giúp đỡ những người học còn gặp khó khăn và chỉ dẫn những người học đang đi sai hướng.

- Câu hỏi vấn đáp ngắn: Dạng câu hỏi này giúp đánh giá sự tiến triển trong mỗi bài học, tạo ra những sự cạnh tranh lành mạnh bên trong lớp học, xem lại kiến thức trước các bài kiểm tra. Câu hỏi vấn đáp ngắn là công cụ tuyệt vời mà không ảnh hưởng nhiều đến điểm số của người học. Sử dụng hình thức kiểm tra miệng để bắt đầu mỗi bài học cũng là một cách hay để đánh giá những gì mà người học đã biết, xóa bỏ những nhận thức sai và đưa ra những gì mà họ sẽ học được.

- Các "sản phẩm" (báo cáo, slides trình chiếu,...): Đây là những hoạt động trong khuôn khổ lớp học được thiết kế để người học, thường được chia làm các nhóm, phải đưa ra được một sản phẩm do chính họ tạo ra để chấm điểm. Trong số rất nhiều các phương thức có thể được sử dụng, phương thức hiệu quả nhất sẽ cân bằng được giữa trách nhiệm của mỗi cá nhân và trách nhiệm của cả tập thể, đồng thời yêu cầu người học phải thực sự suy nghĩ về những vấn đề thực tiễn phức tạp. Việc học nhóm như sử dụng các tiêu chí khác nhau cho việc thiết kế các bài lập nhóm mang tính ứng dụng.

### **7.2.2.Đánh giá kết quả**

Các phương thức đánh giá kết quả đánh giá việc học của người học qua các bài đánh giá mức độ cao. Việc này thường diễn ra vào khoảng giữa hoặc cuối mỗi khóa học, nhằm đánh giá kết quả mà người học đã đạt được.

- Bài kiểm tra: Bao gồm bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ và các bài kiểm tra kết thúc các đơn vị học phần. Một bài kiểm tra sẽ bao gồm nhiều loại câu hỏi khác nhau để thực hiện được việc người học đang ở mức độ nào: nhớ, hiểu, vận dụng, hay vận dụng cao. Mục đích chính là cho người học cơ hội để thể hiện tối đa những kiến thức mà họ có.

- Dự án và bài thuyết trình: Hoạt động này giúp người học đi sâu hơn vào những tư liệu sẵn có để đưa những kiến thức mà họ thu nhận được và sử dụng để tạo ra một điều gì mới. Mức độ áp dụng này rất quan trọng và thường bao quát cả một phần của quá trình học. Những dự án này cũng cho người học những cơ hội rõ rệt để thể hiện những kỹ năng cá nhân và những kỹ năng mềm.

- Tiểu luận: Đa phần các dự án này yêu cầu cá nhân sinh viên phải hoàn thành một nghiên cứu về các lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non như: giáo dục trí tuệ, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục dinh dưỡng và thể chất hay giáo dục mỹ thuật, âm nhạc...

- Thực tập: Người học đăng kí thực tập ở các trường mầm non. Người học được yêu cầu phải thực hành giảng dạy tối thiểu 8 tiết dạy tại trường mầm non, làm công tác của giáo viên chủ nhiệm và tham gia vào các hoạt động khác ở trường mầm non như một người giáo viên thực thụ dưới sự giám sát chính của các giáo viên có kinh nghiệm ở trường mầm non và sự đồng giám sát của các phòng, ban, Khoa Giáo dục Mầm non trong Trường Đại học Hồng Đức. Vai trò của các phòng, ban, Khoa Giáo dục Mầm non ở đây là giúp người học tạo ra sự kết nối giữa việc học chuyên sâu và việc học những kiến thức thực tế cơ bản, đồng thời đảm bảo việc tổ chức, việc đánh giá đã những mục tiêu học tập trong chương trình.

- Khối kiến thức đại cương, gồm 18 học phần (17 học phần bắt buộc và 01 học phần tự chọn). Khối kiến thức chung giúp cho người học tích lũy được các kiến thức về triết học, pháp luật, kiến thức về tiếng Anh và kiến thức về tin học đại cương cũng như một số kiến thức nền tảng về văn hóa, ngôn ngữ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm 26 học phần (trong đó có 19 học phần bắt buộc, 07 học phần tự chọn). Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực giáo dục mầm non. Những kiến thức này giúp cho người học có thể giảng dạy tốt chương trình giáo dục mầm non ở trường mầm non và các cơ sở giáo dục mầm non đồng thời có thể thực hiện các nghiên cứu về giáo dục mầm non.

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 2 học phần (trong đó có 02 học phần bắt buộc), khối kiến thức này nhằm giúp cho người học có kiến thức về phương pháp dạy học mầm

non cũng như trải nghiệm thực tiễn giáo dục ở trường mầm non. Những kiến thức này giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức quá trình dạy học ở trường mầm non.

- Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận bao gồm 02 học phần. Các học phần này giúp người học có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giáo dục mầm non và hình thành cho người học năng lực và khả năng giáo dục trẻ mầm non.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung, 43 tín chỉ	Bắt buộc	41
		Tự chọn	02
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 68 tín chỉ	Bắt buộc	51
		Tự chọn	17
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập 07 tín chỉ	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế, 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	06
Tổng số: 124 TC			

### 2. Danh sách và mô tả các học phần

T	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo</i></p>

			<p>học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thể giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p><i>trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005</p> <p>2. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997</p>
2	196060	<p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)</p>	<p>- <b>Nội dung học phần:</b> Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương: Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo;</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1- Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2004.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Văn kiện đảng toàn tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, ,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>

			Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</p> <p>2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008</p>
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</p> <p>2. Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb</p>

			<p>và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>CTQG.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>3.Văn kiện Đảng toàn tập tập: tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX ,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000 ,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>2. Hồ Chí Minh (2016),</p>



			<p>học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p><i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>3. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</p> <p>4. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia.</p>
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động (Quyển 1).</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</p> <p>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>

			<p>đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p>	
7	145046	Tiếng việt và TVTH, 4 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức và kĩ năng về tiếng Việt: đặc điểm, vai trò của tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp và tư duy; những vấn đề lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách trên các phương diện: khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, cách lĩnh hội và cách tạo lập các đơn vị của tiếng Việt; thực hành nhận diện, phân tích, tạo lập và chữa lỗi về cách sử dụng tiếng Việt trong đời sống giao tiếp hàng ngày cũng như trong hoạt động dạy học cho trẻ Mầm non ở các phương diện cụ thể của tiếng Việt, từ ngữ âm đến ngữ pháp, phong cách.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có đủ năng lực đảm nhiệm việc dạy học những vấn đề liên quan đến tiếng Việt ở bậc học Mầm non; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề tiếng Việt, sử dụng tiếng Việt như một công cụ để giao tiếp và tư</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý (2016), <i>Giáo trình Tiếng Việt &amp; Tiếng Việt thực hành</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (chủ biên) (1999), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, NXB ĐHQG.</p> <p>2. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Minh (2004), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, NXB ĐHSP</p>

			duy và để học tốt các môn học khác.	
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Đào Duy Anh(2002), <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i>, NXB VHNT</p> <p>3. Phan Kế Bính(1999); <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb Văn học, HN.</p>
9	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	245091	Văn học dân gian, 2 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học những vấn đề khái quát chung nhất về văn học dân gian: đặc trưng, tiến trình phát triển, cách phân loại, thi pháp và những thể loại cơ bản, từ thân thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, câu đố, vè, chèo sân đình.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần:</i> Sinh viên có năng lực nhận diện và phân loại các tác phẩm văn học dân gian; có năng lực</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hoàng Tiến Tựu (1990), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>. NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2010), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Giáo dục</p> <p>2. Nguyễn Thị Bích Hà (2015), <i>Giáo trình văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Đại học Sư phạm</p>

			phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học dân gian; biết lựa chọn các tác phẩm văn học dân gian phù hợp với trẻ mầm non;	
b	145100	Đại cương về văn học VN, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương và có hệ thống về văn học Việt nam, từ Văn học dân gian đến Văn học viết. Phần 1, Văn học dân gian bao gồm: Khái quát chung về văn học dân gian Việt Nam; Các thể loại văn học dân gian. Phần 2, Văn học viết, bao gồm: Các giai đoạn lịch sử, sự phân kỳ văn học và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Những nội dung tương cơ bản của văn học viết Việt Nam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Từ những kiến thức, kỹ năng được học hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực phân tích - tổng hợp về các giai đoạn văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; năng lực tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm văn học; năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học; từ đó, vận dụng vào việc dạy trẻ mầm non đọc, kể tác phẩm văn học</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Long (2001), <i>Đại cương văn học</i>. NXB ĐHQG.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Phạm Hùng (1999), <i>Văn học Việt Nam (Từ đầu thế kỷ X đến thế kỷ XX)</i>. NXB ĐHQG.</p> <p>2. Hoàng Tiến Tựu (1990), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.</p>
10	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File-Elementary 3<sup>rd</sup> edition</i>. Oxford University Press.</p>

			<p>được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.</p>	<p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press</p>
11	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Đạt năng lực Bậc 3.1 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File Pre-Intermediate 3<sup>rd</sup> edition</i>. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test 3</i>. Cambridge University Press</p> <p>2. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i>. Cambridge University Press</p>
12	133033	Tiếng Anh 3	<b>Nội dung học phần:</b> Kiến	<b>Tài liệu bắt buộc:</b>

		(3 tín chỉ)	<p>thức nâng cao về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Đạt năng lực tiếng Anh Bậc 3.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ...Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy</p>	<p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File-Pre-intermediate 3<sup>rd</sup> edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i>, Cambridge University Press</p> <p>2. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>, Cambridge University Press</p>
13	145040	Phương pháp nghiên cứu KHGD, 2 TC	<p><b>Nội dung học phân:</b> Học phân gồm hệ thống những lý luận cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục. Các quan điểm trong NCKH nghiên cứu khoa học giáo dục ; Hệ thống các phương pháp NCKH và cách thức vận dụng chúng trong quá trình NCKH; Logic tiến hành một công trình NCKH gồm các bước: Xây dựng đề cương NC, lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học, xác định nhiệm vụ nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dàn ý nội</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Phó Đức Hoà (2007), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Vũ Cao Đàm (2007), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) (2006), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non</i>, NXB ĐHSP</p> <p>[3]. Phạm Việt Vượng (2004), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> (Chương trình giáo trình đại học), NXB</p>

			<p>dung công trình nghiên cứu; Giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo và đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sau khi học xong học phần người học có khả năng lựa chọn các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn giáo dục làm đề tài và xây dựng một đề cương NCKH; có khả năng vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu KHGD; nắm vững và thực hành thành thạo các bước của một đề tài NCKHGD; áp dụng PPNCKH trong học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	ĐHQG HN.
14	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2010, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</li> </ol> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dương Minh Quý (2013), Microsoft Office 2007.</li> <li>2. Microsoft (2012), Step by Step Microsoft Office 2007, Microsoft Press.</li> <li>3. Hàn Viết Thuận (2012), Tin học đại cương, Nxb ĐHQTKD.</li> </ol>
15	144001	Toán cơ sở,	<b>Nội dung học phần:</b> Trang	<b>Tài liệu bắt buộc:</b>

		2 TC	<p>bị, bổ sung cho người học một hệ thống các khái niệm, kiến thức toán học cơ sở ngành: Lý thuyết tập hợp và logics; Số tự nhiên; Phép đếm và hệ thống ghi số và mở đầu về thống kê toán.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có cơ sở toán học vững chắc để hiểu và chỉ đạo hoặc triển khai ứng dụng hiệu quả toán cơ sở vào việc thực hiện chương trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.</p>	<p>1. Trần Diên Hiến, Nguyễn Văn Ngọc (1997), <i>Giáo trình Toán cao cấp 1</i>, NXB Giáo dục</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiến Tài (1998), <i>Tập hợp và logics</i>, Số học, NXB Giáo dục</p> <p>2. Đặng Hùng Thắng (1999), <i>Thống kê và ứng dụng</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>3. Trần Diên Hiến (2000), <i>Các bài toán về Suy luận logics</i>, NXB Giáo dục.</p>
16	181145	Tâm lý học đại cương, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Khái quát chung về khoa học tâm lí; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p><b>* Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2018), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB) <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Thúc (CB) (2017), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐH SP.</p> <p>2. Phan Trọng Ngọ (CB) (2005), <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>3. Dương Thị Thoan (Chủ biên) (2021), Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Thị Hương, <i>Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường đại học Hồng Đức</i>, Nxb ĐH Lao động – xã hội.</p>
17	182015	Giáo dục học đại cương, 2	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần gồm hệ thống những lý</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Trần Thị Tuyết Oanh</p>



		TC	<p>luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có năng lực liên hệ những tri thức lý luận đã học với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường, giải thích rõ ràng một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay</p>	<p>(2006) (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2</i>, NXB ĐHSP Hà Nội</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Phạm Viết Vượng (2008), <i>Giáo dục học</i>, NXB ĐHQG</p> <p>[2]. Phạm Viết Vượng (2008), <i>Bài tập Giáo dục học</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p>[3]. Đỗ Thế Hưng (2007), <i>Tình huống dạy học môn GDH</i>, NXB ĐHSP</p>
18	198000	Quản lý HCNN & QLGD, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS &amp; THPT của bộ Giáo dục &amp; Đào tạo.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sau khi học xong học phần người học</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục &amp; đào tạo</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. <i>Luật Cán bộ, công chức</i></p> <p>[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, <i>Luật viên chức</i>.</p> <p>[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, <i>luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức</i>.</p>

			<p>có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.</p>	<p>[4] Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, <i>Luật Giáo dục</i>.</p> <p>[5]. Quốc Hội (2014), <i>Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông</i>.</p>
191008	<p>Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)</p>	<p><b>Nội dung học phần:</b>          Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.          Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu.          Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.</li> <li>- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.</li> <li>- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ</li> </ul>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TDTT.</p> <p>[2]. Ủy ban TDTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TDTT.</p> <p><i>Học liệu tham khảo:</i></p> <p>[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TDTT.</p> <p>[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p>	

			chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa.	
<p>Giáo dục thể chất 2  <i>chọn 1 trong 5 học phần sau</i></p>				
a	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội.</li> <li>2. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</li> </ol> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> NXB TDTT, Hà Nội.</li> <li>4. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TDTT Hà Nội.</li> </ol>
b	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.PGS.TS Trần Đức Dũng (2007), <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội</li> </ol> <p><i>Học liệu tham khảo:</i></p>

			<p>Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu</p> <p>Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản</p> <p>Hiểu được một số điểm của luật</p>	<p>2. Ủy ban TDTT (2014), <i>Luật Bóng đá sân 11 người</i>, Nxb TDTT.</p> <p>3. Ủy ban TDTT (2001), <i>Luật Bóng đá sân 7 người</i>, Nxb TDTT.</p> <p>4. Ủy ban TDTT (2011), <i>Luật Bóng đá sân 5 người</i>, Nxb TDTT.</p>
c	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b></p> <p>Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ ( Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <p>Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b></p> <p>[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TDTT.</p> <p>[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TDTT.</p> <p>[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>

			bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.	
d	191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.</p> <p>Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b> [1]. Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TDTT</p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b> [2]. Vũ Thanh Mai (2011), <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TDTT [3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TDTT</p>
e	191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b> [1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các</p>

			<p>môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	<p>cộng sự ()2008), “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TDTT.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Nhu khí công quyền 2 - Vovinam, NXB TDTT.</p>
*		GDQP		<b>GD quốc phòng</b>
a		Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	<p><b>Nội dung học phần:</b></p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng-an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b></p> <p>2. Đảng Cộng sản Việt</p>

		<p>Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <p>+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>+ Phát huy và đề cao trách</p>	<p>Nam (2016), <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Học thuyết Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam.</p>
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			<p>nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
b		<p>Công tác quốc phòng, an ninh</p>	<p><b>Nội dung học phần:</b>  Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b>  + Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay</p>	<p><b>Tài liệu tham khảo chính:</b>  <b>Tài liệu bắt buộc:</b>  1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh, tập 1</i>, Nxb Giáo dục.  2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b>  3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>,  4. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>



			<p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
c		<p>Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)</p>	<p><b>Nội dung học phần:</b>          Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.          Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b>          1. BGD&amp;ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.  <b>Học liệu tham khảo:</b>          2. BGD&amp;ĐT, <i>Vụ giáo dục quốc phòng (2015), Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).          3. Bộ quốc phòng (2015), <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>, NXB Quân đội nhân dân.          4. Bộ quốc phòng (2015) <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>, NXB Quân đội nhân dân.</p>

			<p>trong học tập và công tác.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <p>Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.</p> <p>Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.</p> <p>Thuần thục cách sử dụng bản đồ.</p> <p>Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.</p>	
d		<p>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật</p>	<p><b>Nội dung học phần:</b></p> <p>Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <p>Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. BGD&amp;ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b></p> <p>2. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>

			<p>mục tiêu cố định.</p> <p>Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.</p> <p>Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, canh giới.</p>	
19	145003	Văn học trẻ em, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm của nền văn học trẻ em; các giai đoạn phát triển của nền Văn học trẻ em Việt Nam; hệ thống những giá trị cơ bản các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam và thế giới.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có đủ năng lực đảm nhiệm việc dạy học các tác giả và tác phẩm ở bậc học Mầm non; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các tác phẩm văn học trẻ em.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý (2013), <i>Giáo trình văn học trẻ em</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý (2012), <i>Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Trần Đăng Khoa (1999), <i>Tuyển tập Phạm Hồ</i>, NXB Văn học</p>
20	147105	Mỹ thuật cơ bản, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Kiến thức lý luận chung về bản chất nghệ thuật tạo hình, hiểu khái quát lịch sử mỹ thuật, kiến thức cơ bản về màu sắc, trang trí, luật xa gần, giải phẫu, vẽ theo mẫu, bố cục và</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>[1] Ngô Bá Công. <i>Giáo trình Mỹ thuật cơ bản</i>. Nxb Đại học Sư phạm. (Sử dụng từ chương 1 đến chương 4 của phần 1)</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p>

			<p>tranh minh hoạ .</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, có khả năng sáng tạo trong việc vẽ hình tạo bố cục một nội dung phục vụ giáo dục trẻ mầm non, biết pha và phối màu sắc một cách hài hòa trong việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang trí trường lớp mầm non.</p>	<p>[1] Tạ Phương Thảo (2004, 2007), <i>Giáo trình trang trí</i>, Nxb Đại học Sư phạm.</p> <p>[2] Đàm Luyện (2004, 2007), <i>Giáo trình bố cục</i>. Nxb Đại học Sư phạm.</p> <p>[3] Phạm Thị Chính (2007), <i>Lịch sử Mỹ thuật Việt nam</i>, Nxb đại học sư phạm.</p>
21	147051	Âm nhạc và Múa (KTCB), 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những kiến thức cơ bản về lý thuyết nhạc lý cơ bản; thực hành ký, xướng âm ở điệu thức đô trưởng, pha trưởng, son trưởng và điệu thức la thứ. Lý luận về múa cơ bản; múa và vận động theo nhạc trong trường Mầm non. Thực hành các động tác múa tay, chân cơ bản, Chất liệu múa dân gian, các tổ hợp múa dân gian tiêu biểu Việt Nam.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kỹ năng cơ bản thực hành ký - xướng âm, xướng âm ghép lời các bài hát của trẻ Mầm non ở các giọng Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng, La thứ. Có những kỹ năng thực hành cơ bản về múa; thực hành và nắm được các kỹ năng của các điệu múa trong các tổ hợp múa dân gian tiêu biểu Việt Nam; biết vận dụng các kỹ năng múa cơ bản vào biên soạn múa, vận động theo nhạc cho trẻ Mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Phạm Tú Hương (1997), <i>Lý Thuyết Âm nhạc cơ bản</i>, NXB giáo dục.</p> <p>[2] Trần Minh Trí (2005), <i>Múa</i>, NXB ĐHSPT,</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Trịnh Hoài Thu (2011), <i>PPDH ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông</i>, NXB âm nhạc.</p> <p>2. Phạm Lê Hòa - Ngô Thị Nam (2004), <i>Giáo dục âm nhạc</i>, NXB ĐHSPT.</p> <p>3. Ngô Thị Nam (1993, 1995), <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập I)</i>, Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên.</p>

22	181007	Tâm lý học MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những vấn đề chung của Tâm lý học mầm non; đặc điểm tâm lý trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (đặc điểm tâm lý trẻ năm đầu, đặc điểm tâm lý trẻ tuổi ấu nhi); đặc điểm tâm lý trẻ em lứa tuổi mẫu giáo</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học vận dụng được các phương pháp khác nhau để nghiên cứu sự phát triển tâm lý trẻ mầm non; Đưa ra được các biện pháp phát triển phù hợp với từng điều kiện và quy luật phát triển tâm lý trẻ; Đề xuất được các cách thức để phát triển toàn diện tâm lý, nhân cách cho trẻ thông qua việc xác định được hoạt động chủ đạo, đặc điểm phát triển nhận thức, nhân cách... tương ứng với từng giai đoạn tuổi. Đồng thời chuẩn bị được về mặt tâm lý cho trẻ để trẻ thích nghi với môi trường Tiểu học.</p>	<p><b>* Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Ánh Tuyết (CB) (2015), Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa, <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Ngô Công Hoàn, Nguyễn Mai Hà (1993), <i>Tâm lý học</i>, BGD&amp;ĐT, Nxb Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Ánh Tuyết (1999), <i>Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông</i>, Sách bồi dưỡng thường xuyên chu kì 1998 -2000, Nxb GD</p>
23	182021	Giáo dục học MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học mầm non, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non; mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp giáo dục trẻ mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật,</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Thị Hoà (2009), <i>Giáo dục học mầm non</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Đào Thanh Âm (chủ biên) (2008), <i>Giáo dục học mầm non, Tập I,II,III</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>[2]. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2001), <i>Giáo dục học mầm non</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>

			<p>hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non; chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có năng lực đánh giá thực tế việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non; lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non; giải quyết vấn đề trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.</p>	<p>[3]. Nguyễn Thị Hòa (2010), <i>Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p>
24	146021	Sinh lý trẻ em, 2 TC	<p>- <b>Nội dung học phần:</b> Những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu và sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các quá trình sinh lý, trao đổi chất, sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ ở lứa tuổi mầm non.</p> <p>- <b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kỹ năng tự đánh giá về sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn tuổi; kỹ năng dự báo sự phát triển toàn diện đối với trẻ mầm non. Kỹ năng vận dụng tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khoa học.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>[1]. Lê Thanh Vân (2015), <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[2]. Tạ Thuý Lan , Trần Thị Loan (1995), <i>Sinh lí học trẻ em</i>, Trường ĐHSP Hà Nội I.</p> <p>[3]. Tạ Thuý Lan – Trần Thị Loan (2007), <i>Giáo trình sinh lí học trẻ em</i>, NXB ĐHSP 2007.</p> <p>[4]. Phan Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2006), <i>Đặc điểm giải phẫu sinh lí trẻ em</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>
25	145010	Dinh dưỡng trẻ em, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần “Dinh dưỡng trẻ em” bao gồm những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ lứa tuổi mầm non; cách chăm sóc, nuôi dưỡng, tổ chức ăn</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>[1]. Lê Thị Mai Hoa (2015), <i>Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>

			<p>uống hợp lí cho trẻ phù hợp với các giai đoạn phát triển lứa tuổi của trẻ; cách tổ chức ăn uống cho trẻ khi bị bệnh; cách chế biến một số món ăn cho trẻ lứa tuổi mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên đạt được một số kĩ năng chế biến món ăn cho trẻ; kĩ năng tổ chức bữa ăn hợp lí cho trẻ phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi; kĩ năng bảo vệ, nâng cao sức khỏe và phòng tránh một số bệnh thường gặp ở trẻ em.</p>	<p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Kim Thanh (2003), <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>[2]. Các website: giaoducmamnon.edu.com</p>
26	146026	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN, 2 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tình hình bệnh tật ở trẻ em hiện nay, các giai đoạn phát triển của trẻ, các bệnh thường gặp, các tai nạn có thể xảy ra đối với trẻ ở trường mầm non. Những kiến thức, kỹ năng để nhận biết và xử trí ban đầu đối với các bệnh và các tai nạn mà trẻ hay mắc phải, các biện pháp phòng các bệnh dịch trong cộng đồng, nhất là các bệnh thường gặp ở trẻ mầm non, phòng các tai nạn cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức cơ bản về bệnh, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, biết vận dụng xử trí ban đầu các tình huống về các bệnh lý, các tai nạn trẻ hay mắc phải. Biết thiết kế và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ tự phòng tránh bệnh tật, các tai nạn có thể xảy ra đối</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần (2008), <i>Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[2]. Lê Thanh Vân (2002), <i>Sinh lí học trẻ em</i>, NXB ĐHQGHN.</p> <p>[3]. Phạm Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2001), <i>Đặc điểm giải phẫu sinh lí trẻ em</i>, NXB HN.</p>

			với với trẻ ở trường MN	
27	147040	Vệ sinh trẻ em, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Cung cấp kiến thức cơ bản về vệ sinh học (vi khuẩn, vi rút, kí sinh trùng), các nhân tố gây nhiễm khuẩn, qui trình tổ chức vệ sinh cho trẻ lứa tuổi mầm non, cách thức tiến hành vệ sinh không khí, nguồn nước, mặt đất, trường mầm non góp phần bảo vệ môi trường; tổ chức thực hành rèn luyện một số kĩ năng giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kiến thức chăm sóc và tổ chức thực hành chăm sóc vệ sinh, phòng bệnh cho trẻ ở các giai đoạn lứa tuổi khác nhau; tổ chức chế độ vệ sinh sinh hoạt cho trẻ một cách hợp lí, khoa học góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b> 1. Hoàng Thị Phương (2015), <i>Giáo trình vệ sinh trẻ em</i>, NXB ĐHSP - Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> 1. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2008), <i>Giáo trình vệ sinh dinh dưỡng</i>, NXB Giáo dục. 2. Nguyễn Thị Phong (2001), <i>Vệ sinh trẻ em</i>, NXB ĐHQGHN.</p>
28	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	245062	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần “Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non” cung cấp những kiến thức cơ bản về sức khỏe và cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho con người nói chung, bà mẹ và trẻ em các giai đoạn lứa tuổi nói riêng. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên một số kĩ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b> [1]. Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc Ái (1998), <i>Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0 - 6 tuổi</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [2]. Phạm Mai Chi (2006), <i>Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 3 - 4 tuổi</i>, NXB HN. [3]. Lê Thị Mai Hoa (2008), <i>Giáo trình vệ sinh - dinh dưỡng</i>, NXB Giáo</p>



			<p>... nhằm phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Một số kĩ năng nhận biết tình trạng sức khỏe của trẻ, kĩ năng đánh giá sự phát triển của trẻ, kĩ năng phòng tránh các nguy cơ mất an toàn cho trẻ; kĩ năng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ một cách hợp lí.</p>	dục.
b	146023	Vệ sinh an toàn thực phẩm, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Học phần "<i>Vệ sinh an toàn thực phẩm</i>" cung cấp những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và các loại lương thực - thực phẩm; qui trình và cách tổ chức ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên một số kĩ năng tuyên truyền, giáo dục về dinh dưỡng; kĩ năng về vệ sinh an toàn thực phẩm; kĩ năng tổ chức bữa ăn hợp lí cho các đối tượng khác nhau nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống trong cộng đồng xã hội.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Một số kĩ năng nhận biết, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe của con người nói chung, trẻ em nói riêng, kĩ năng phòng tránh các nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm; kĩ năng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ một</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Hà Huy Khôi, Phạm Duy Tường (2004), <i>Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>, NXB Y học.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[2] Nguyễn Văn Nam (2010), <i>Qui chuẩn kĩ thuật Quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm</i>, NXB Lao Động 2010.</p> <p>[3] Lương Đức Phẩm (2005), <i>Vi sinh vật học và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>, NXB NN.</p>

			cách hợp lí.	
29	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	144047	Nghề giáo viên mầm non và đánh giá trong giáo dục mầm non	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức về nghề giáo viên mầm non trong đổi mới giáo dục mầm non và khái quát về nghề giáo viên mầm non một số nước trên thế giới; Hoạt động sư phạm, giao tiếp và xử lí tình huống sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp; Nhân cách nghề nghiệp của giáo viên mầm non và những kiến thức về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm; Khái quát về đánh giá trong giáo dục mầm non. Những kiến thức về đánh chất lượng giáo dục trường mầm non; Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; Đánh giá sự phát triển của trẻ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững những kiến thức về nghề giáo viên mầm non trong đổi mới giáo dục và giáo viên mầm non một số nước trên thế giới; vận dụng được các kĩ năng giao tiếp và xử lí các tình huống sư phạm trong các hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục trẻ. Vận dụng được những kiến thức chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non vào hoạt động nghề nghiệp của bản thân. Biết sử dụng linh hoạt các</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hồ Lam Hồng (2008), <i>Giáo trình Nghề giáo viên mầm non</i>, NXB Giáo dục.</li> <li>Nguyễn Tuấn Vĩnh (2021), <i>Đánh giá trong giáo dục mầm non</i>, NXB ĐHSPT Huế</li> </ol> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lê Thị Ngọc Ái, Lê Thị Đức, Hồ Lam Hồng (1995) <i>Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc - giáo dục nhà trẻ 3 - 36 tháng</i>, NXB Giáo dục</li> <li>Tạ Ngọc Thanh (2004), <i>Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non</i>, NXB Giáo dục</li> </ol>

			<p>phương pháp để đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non; đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động trong trường mầm non. Có năng lực lập phiếu quan sát, thiết kế các bài tập, phiếu điều tra khảo sát để đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ.</p>	
b	144048	Giáo dục môi trường ở trường mầm non, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường và cơ sở của việc đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình giáo dục mầm non. Sinh viên hiểu sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ trong trường mầm non.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên tổ chức được các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; Có kỹ năng thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ qua các hoạt động giáo dục và qua chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thị Thu Hiền (2008): <i>Giáo trình Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i>. NXB Giáo dục</li> <li>2. Chương trình Giáo dục mầm non</li> </ol> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Mai Chi (2006), <i>Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ từ 3-4 tuổi</i>. NXBGD.</li> <li>2. Nguyễn Thị Hòa (2015), <i>Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>, NXB Đại học Sư phạm.</li> </ol>
30	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	146051	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	<p><b>Nội dung học phần:</b> Giới thiệu chương trình chăm sóc-giáo dục mầm non mới; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thị Thu Hiền (2008), <i>Giáo trình Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục</i></li> </ol>

		mầm non	<p>non: Nguyên tắc xây dựng kế hoạch, các loại kế hoạch, cấu trúc và nội dung từng loại kế hoạch; Xây dựng môi trường giáo dục, hướng dẫn cách thức tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non; Đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Học phần giúp sinh viên hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, có năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, biết thiết kế và xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. Từ đó, sinh viên biết mô tả đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.</p>	<p><i>mầm non</i>, NXB Giáo dục</p> <p>2. Chương trình Giáo dục mầm non</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Phạm Mai Chi (2006), <i>Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ từ 3-4 tuổi</i>, NXBGD.</p> <p>2. Nguyễn Thị Hòa (2015), <i>Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p>
b	144024	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	<p><b>Nội dung học phần:</b> Cung cấp cho người học các kiến thức về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em lứa tuổi mầm non: Khái niệm, quá trình hình thành, nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; Phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; Tổ chức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học biết vận dụng được những kiến thức đã học vào</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Trần Ngọc Thêm (2004), <i>Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam</i> NXB TP HCM.</p> <p>[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (2010), <i>Giáo trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em</i>, NXBGDVN.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Chương trình giáo dục mầm non</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội</p> <p>[4]. Nguyễn Ánh Tuyết</p>

			việc thiết kế và thực hiện kế hoạch giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; tuyên truyền và phối hợp với các bậc cha mẹ trong công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.	(Chủ biên - 2010), <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i> , NXBĐHSP.
31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>			
a	147062	Đàn Organ - chỉ huy dàn dựng	<p><b>Nội dung học phần:</b> Giới thiệu về đàn oócgan điện tử, một số chức năng cơ bản như : Chọn Tiết tấu, âm sắc; nhịp độ (<i>tốc độ</i>), các bài tập kỹ thuật giọng C Dur, F Dur, G Dur và Amoll tự nhiên; các hợp âm tay trái; tay phải giai điệu; thế tay, tư thế đánh đàn... Kỹ thuật cơ bản về chỉ huy dàn dựng hát đồng ca: Vai trò, tư thế, kỹ thuật của người chỉ huy; xử lý tay trái, tay phải, kiểu bè, bắt đầu và kết thúc tác phẩm; thể hiện được các sắc thái của đường nét chỉ huy ở các loại nhịp 2,3,4 và 6 phách đúng đường nét. Một số bài thực hành chỉ huy cụ thể. Có kiến thức hiểu biết chung về phương pháp hát, kỹ thuật ca hát phổ thông, tập hát và thể hiện hát biểu diễn hình thức đơn ca các bài hát trong chương trình cô hát cho trẻ nghe.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kỹ năng sử dụng thao tác đàn thành thạo, thực hành luyện các bài tập kỹ thuật luyện ngón, kỹ năng chuyển hợp âm tay trái ở các giọng: C Dur, F Dur, G Dur, Amoll</p>	<p><b>Học liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Nguyễn Minh Toàn - Phan Hồng Hà (1999), <i>Phương pháp học đàn organ</i>, NXB giáo dục,</p> <p>[2] Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào (2000), <i>Phương pháp hát và chỉ huy hát tập thể</i>, NXB giáo dục.</p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b></p> <p>[3] Ngô Ngọc Thắng (1999), <i>Organ lý thuyết và thực hành</i> (Tập I), NXB âm nhạc.</p> <p>[4] Cù Minh Nhật (2007), <i>Organ thực hành 134 bài hát Mầm giáo</i>, NXB âm nhạc Hà Nội.</p> <p>[5] Ngô Thị Nam (2007), <i>Giáo trình hát</i> (tập 2), NXB ĐHSP.</p>

			<p>và thực hành soạn đệm các bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc Mầm non. Kỹ năng chỉ huy điều khiển, dàn dựng một tiết mục hát đồng ca các bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non. Có kỹ năng vận dụng kỹ thuật ca hát phổ thông để hát chuẩn xác, cảm thụ và sáng tạo trong biểu diễn hát đơn ca các bài hát trong chương trình cô hát cho trẻ nghe.</p>	
b	147056	Âm nhạc (KT nâng cao), 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Bộ máy phát âm, kỹ thuật ca hát: tư thế, nhả chữ phát âm, lấy hơi...; các bài tập thực hành luyện thanh ứng dụng phát triển giọng hát, phương pháp và kỹ năng thực hành ca hát ở các hình thức, thực hành học hát các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương trình giáo dục âm nhạc Mầm non. Thực hành các kỹ năng múa, phương pháp múa, các bước biên dạy múa cho trẻ Mầm non, thực hành biên đạo dàn dựng múa các bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non. Nâng cao kỹ năng thực hành ca hát và biên soạn múa cho trẻ Mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành biểu diễn ca hát, múa và biên dạy múa các bài múa cho trẻ Mầm non đạt yêu cầu, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, khả năng, nhận thức cảm thụ của trẻ</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Phạm Thanh Vân, Nguyễn Hoàn Thông (2006), <i>Đọc - Ghi Âm nhạc</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>[2] Ngô Thị nam (2007), <i>Giáo trình hát</i> (tập 2), NXB ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo :</b></p> <p>[3] Trần Minh Trí (1998), <i>Múa và Phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc</i>, NXB giáo dục.</p> <p>[4] Quang Phác, Đào Ngọc Dung (2001), <i>Dân ca Việt Nam những làn điệu dân ca nổi tiếng phổ biến khắp nơi</i>, Nxb ĐH QGHN.</p> <p>[5] Ngô Thị Nam (2004), <i>Hát</i>, Nxb ĐHSP</p>

			Mầm non. Có phương pháp dạy và hướng dẫn trẻ Mầm non biết thường thức, cảm thụ và đánh giá các tác phẩm về nội dung, giá trị thẩm mỹ âm nhạc và nghệ thuật múa; khơi gợi tình yêu nghệ thuật, say mê với các hoạt động ca hát và múa. Hình thành hứng thú học tập làm tăng khả năng sáng tạo, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ trong giáo dục trẻ Mầm non.	
32	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>			
a	147011	Mỹ thuật kiến thức nâng cao	<p><b>Nội dung học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu những kiến thức cơ bản của môn xếp dán, chữ mĩ thuật và ứng dụng trong trang trí; kiến thức cơ bản của nghệ thuật điêu khắc; cắt dán giấy hình trang trí; xé dán tranh tĩnh vật.</li> <li>- Giới thiệu những kiến thức kĩ năng cắt dán tranh minh họa cốt truyện; Xé dán tranh phong cảnh; làm tranh bố cục từ kĩ thuật tổng hợp.</li> </ul> <p><b>Năng lực đạt được:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về cắt, xé dán giấy màu các hình hình học để vận dụng làm các bài tập trang trí, tranh bố cục, tranh phong cảnh, tranh từ kĩ thuật tổng hợp để trang trí lớp học mầm non có giá trị thẩm mỹ, khoa học.</li> <li>- Sinh viên biết thiết kế sáng tạo tranh bằng các vật liệu tổng hợp, hướng dẫn các kỹ</li> </ul>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ngô Bá Công 2008(), <i>Giáo trình Mỹ thuật cơ bản</i>, Nxb Đại học sư phạm. <i>(Sử dụng phần 2 của chương 1 và chương 2; phần 1 của chương 5)</i></li> </ol> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đàm Luyện (2004, 2007), <i>Giáo trình bố cục</i>, Nxb Đại học Sư phạm.</li> <li>2. Phạm Thị Việt Hà (2007), <i>Hướng dẫn tạo hình bằng vật liệu thiên nhiên</i>, Nxb Giáo dục.</li> <li>3. Tạ Phương Thảo (2004, 2007), <i>Giáo trình trang trí</i>, Nxb Đại học Sư phạm .</li> </ol>

			năng, cắt, xé dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình. Tổ chức tốt các hoạt động tạo hình ở trường mầm non.	
b	147008	Mỹ thuật ứng dụng, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Kiến thức về nghệ thuật xếp dán, chữ mỹ thuật và ứng dụng. Các kỹ thuật xé cắt dán hình trang trí, kỹ thuật gấp tạo hình, xé dán tranh tĩnh vật, biết trang trí bảng bé ngoan, trang trí trường lớp mầm non và làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp. Biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng về nghệ thuật tạo hình để ứng dụng vào trang trí, xây dựng môi trường giáo dục ở trường lớp mầm non theo các chủ đề.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên thành thạo các kỹ năng xé, cắt dán, kỹ năng trang trí, phối kết hợp các loại vật liệu để làm đồ dùng dạy học, trang trí trường lớp học có giá trị khoa học, thẩm mỹ. Biết hướng dẫn các cách cắt, xé dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình ở trường mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b> 1. Ngô Bá Công (2008), <i>Giáo trình mỹ thuật cơ bản</i>, Nxb Đại học Sư phạm. (Sử dụng chương 5 phần 1 và chương 1,2 phần 2)</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> 1. Đàm Luyện (2004, 2007), <i>Giáo trình bố cục</i>, Nxb Đại học Sư phạm. 2. Lê Đình Bình (2008), <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn tạo hình cho trẻ em, hoạt động tạo hình</i>, Quyển 1. Nxb Đại học Quốc gia 3. Tạ Phương Thảo (2004, 2007), <i>Giáo trình trang trí</i>, Nxb Đại học Sư phạm</p>
33	146012	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi MN, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật bao gồm: khái niệm, phân loại, nguyên nhân gây khuyết tật và đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non. Những vấn đề về giáo dục hòa nhập ở bậc học mầm non. Trên cơ sở đó có một số</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2016), <i>Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> 1. Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng, Trần Thị</p>



			<p>cách thức hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị, KTTT, KTNN, khuyết tật vận động và trẻ Tự kỉ tham gia vào các hoạt động với các bạn đồng trang lứa ở trường mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non, hiểu rõ bản chất của giáo dục hòa nhập ở bậc học mầm non. Biết cách tổ chức các hoạt động hỗ trợ trẻ khuyết tật trong các hoạt động ở trường MN. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ trẻ khuyết tật khi học hòa nhập ở trường mầm non. Thái độ đúng đắn khi làm việc với trẻ khuyết tật trong trường mầm.</p>	<p>Thiệp (2008), <i>Giáo trình Giáo dục hòa nhập</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Nguyễn Đức Minh (2006), <i>Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>3. Trần Thị thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2014), <i>Giáo trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p>
34	143014	LL & PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN, 3 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức lý luận chung về các phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình, cách vận dụng các kiến thức cơ bản vào thực tiễn trong trường mầm non. Nghiên cứu về đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ để có được cách nhìn về thị hiếu thẩm mỹ một cách đúng đắn.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết cách thức xây dựng mạng chủ đề, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cụ thể của từng chủ đề trong năm, xây dựng môi trường giáo dục hợp lý. Thành thạo việc soạn giáo án và thực hiện tổ chức hoạt</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Thanh Thủy (2015), <i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lê Hồng Vân (2002), <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em</i>, Nxb Đại học quốc gia HN.</p> <p>2. Trần Thị Trọng, Phạm Thị Sửu (1994,1997), <i>Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo và hướng dẫn thực hiện 3-4 tuổi</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>3. Ung Thị Châu, Nguyễn Lăng Bình, Lê Đức Hiền (2001), <i>Tạo hình và phur-</i></p>

			<p>động tạo hình cho trẻ mầm non đáp ứng các yêu cầu mới của giáo dục hiện đại theo hướng tiếp cận khoa học, phát huy tính tích cực, sáng tạo hướng vào trẻ em.</p>	<p><i>ong pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ</i>, Nxb Giáo dục.</p>
35	147091	PP tổ chức HĐ âm nhạc cho trẻ MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ Mầm non như: Vai trò giáo dục âm nhạc, cách tiếp cận tổng hợp trong giáo dục âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc; phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc: nghe nhạc, ca hát, múa - vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc; các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày và trong các ngày lễ hội; thực hành dàn dựng các chương trình hoạt động âm nhạc lễ hội, lập kế hoạch giáo án, dự giờ và tổ chức tập dạy các hoạt động âm nhạc.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên nắm vững các bước lên lớp, phương pháp dạy học, biết xây dựng kế hoạch giáo án để tổ chức dạy tốt các hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non; có phương pháp tổ chức triển khai và thực hành dàn dựng các chương trình hoạt động âm nhạc lễ hội trong nhà trường Mầm non; có năng lực biên soạn múa, vận động theo âm nhạc cho trẻ Mầm non; nắm vững cách tổ chức chơi</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Trần Minh Trí (1998), <i>Múa và PP dạy trẻ vận động theo nhạc</i>, NXB giáo dục.</p> <p>[2] Nguyễn Hoàng Thông (1996), <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc ở Nhà trẻ - Mẫu giáo</i>, NXB giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1] Ngô Thị Nam (1994), <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc</i> (tập I, II), BGD &amp; đào tạo - Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, 1994.</p> <p>[2] BGD &amp; đào tạo - Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên (1993), <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc</i> (tập II), tài liệu lưu hành nội bộ.</p> <p>[3] Ngô Thị Nam - Trần Minh Trí - Trần Nguyễn Hoàn (1995), <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc</i> (tập II), Trung tâm nghiên cứu giáo viên.</p>

			các trò chơi âm nhạc và tổ chức dạy các trò chơi âm nhạc cho trẻ Mầm non.	
36	149001	LL & PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non là một khoa học ; Khái quát về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non; <u>Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non ; Luyện phát âm cho trẻ; Phát triển vốn từ cho trẻ; Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc; Chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông</u></p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Năng lực dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0 – 6 tuổi; Năng lực lập kế hoạch giúp trẻ luyện phát âm đúng, phát triển từ, nói đúng ngữ pháp và diễn đạt mạch lạc; Năng lực lập kế hoạch dạy trẻ 5-6 tuổi làm quen với chữ cái; Năng lực cập nhật những đổi mới về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Đinh Hồng Thái (2014), <i>Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</i>, NXB ĐHSB.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Khoa (2003), <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Hoàng Thị Oanh, (2001), <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi</i>, NXB ĐHQG</p>
37	145048	LL & PP cho trẻ làm quen TPVH, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những vấn đề lí luận chung về bộ môn; Phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Các dạng bài cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Tổ chức hoạt động <i>Làm quen TP văn học</i> theo hướng tích hợp chủ đề; Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và tập dạy</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1.Hà Nguyễn Kim Giang (2015), <i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý (2014), <i>Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Nguyễn Thị Tuyết</p>

			<p><b>Năng lực đạt được:</b> Năng lực lựa chọn tác phẩm phù hợp với tuổi mầm non theo các chủ đề trong năm học; Năng lực phân tích và đánh giá tác phẩm văn học; Năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở các độ tuổi mầm non; Năng lực cập nhật những đổi mới về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.</p>	<p>Nhung, Phạm Thị Việt (2004), <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i>, NXB Giáo dục.</p>
38	145021	Hình thành kỹ năng tiên đọc, viết cho trẻ MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Một số vấn đề lý luận về việc hình thành khả năng đọc, viết ban đầu cho trẻ mầm non; Những cơ sở phát triển ngôn ngữ và khả năng tiên đọc - viết theo hướng tích hợp; Hình thành khả năng đọc viết cho trẻ nhà trẻ; Hình thành khả năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo; Môi trường chữ viết trong trường mầm non; Lựa chọn và sử dụng tác phẩm văn học cho trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Năng lực xây dựng môi trường chữ viết trong trường mầm non; Năng lực khai thác các hoạt động trong trường mầm non giúp trẻ hình thành khả năng tiên đọc, viết; Năng lực cập nhật những đổi mới về tổ chức hoạt động làm quen với chữ viết ở trường mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Đinh Hồng Thái (2014). <i>Giáo trình Phát triển khả năng tiên đọc viết tuổi mầm non theo hướng tích hợp</i>. NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Đinh Hồng Thái (2015), <i>Hình thành khả năng đọc viết ban đầu cho trẻ em tuổi mầm non</i>. NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Đinh Thanh Tuyền (2019), <i>Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p>
39	144105	LL & PP hình thành biểu tượng	<p><b>Nội dung học phần:</b> Trang bị cho người học một hệ thống các khái niệm, kiến</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1]. Đỗ Thị Minh Liên (2008), <i>Giáo trình cho trẻ</i></p>

		toán học sơ đẳng cho trẻ em, 2 TC	<p>thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em. Cụ thể: Vai trò, nhiệm vụ và đặc điểm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng; các nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức tổ chức cùng với phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học có thể chủ động chỉ đạo hoặc triển khai hiệu quả chương trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.</p>	<p><i>mầm non làm quen với toán</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Đinh Thị Nhung (2001), <i>Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo Q1,2</i>, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Duy Thuận – Trịnh Minh Loan (1998), <i>Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p>
40	147014	LL & PP giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ MN; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDTC cho trẻ MN; Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ, phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học phần đề cập tới nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đặng Hồng Phương (2016), <i>Giáo trình Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</i>.Nxb Đại học Sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Hoàng Thị Bưởi (2001), <i>Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Đặng Hồng Phương (2008), <i>Giáo trình Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i>, Nxb Đại học Sư phạm.</p>

41	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	144006	LL & PP HD trẻ khám phá MTXQ, 3TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những lý luận chung nhất của môn học: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung và các nguyên tắc hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh theo từng độ tuổi trẻ và phương pháp tổ chức hướng trẻ khám phá môi trường xung quanh.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học biết vận dụng các phương pháp để tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động cho trẻ MN khám phá MTXQ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay; có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hoàng Thị Phương (2015), <i>Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), <i>Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB GD, HN.</p> <p>2. Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga (2015). <i>Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non, theo chương trình giáo dục mầm non mới</i>. NXB Giáo dục</p> <p>3. Trần Thị Thanh (1998), <i>Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Giáo dục.</p>
b	144008	Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<p><b>Nội dung học phần:</b> Những kiến thức về các hoạt động ở trường mầm non giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh bao gồm các hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, hoạt động tham quan, hoạt động lao động, hoạt động học tập; những kiến thức về phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh trong đổi mới giáo dục mầm</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), <i>Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB GD, HN.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Hoàng Thị Phương (2015), <i>Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Đại học Sư</p>

			<p>non hiện nay.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu sâu sắc những kiến thức về tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; vận dụng linh hoạt các phương pháp nhằm hướng dẫn trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh. Có năng lực lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thông qua các hoạt động khác nhau để trẻ khám phá môi trường xung quanh đáp ứng đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.</p>	<p>phạm.</p> <p>2. Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga (2015). <i>Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non, theo chương trình giáo dục mầm non mới</i>. NXB Giáo dục</p> <p>3. Trần Thị Thanh (1998), <i>Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Giáo dục.</p>
42	144007	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các quan điểm sư phạm về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; Vai trò của CNTT trong GDMN; yêu cầu đổi mới GVMN trong việc ứng dụng CNTT; các kỹ thuật ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế tư liệu giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả Internet phục vụ các hoạt động giáo dục ở trường mầm non</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Đỗ Mạnh Cường (2005), <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</i>, NXB Đại học quốc gia TPHCM.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Hàn Việt Thuận (2009), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Nguyễn T. Cẩm Vân, Trần Trung Anh Dũng (2007) <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i>, NXB ĐHSP.</p>
43	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	146049	Tổ chức thực hành vệ sinh	<p><b>Nội dung học phần:</b> Một số vấn đề lý luận về sức khỏe,</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Thị Mai Hoa, Trần</p>

		<p>đinh dưỡng cho trẻ MN, 2TC</p> <p>vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non. Cách tổ chức đánh giá sức khỏe, qui trình tổ chức thực hành vệ sinh, tổ chức chế độ dinh dưỡng cho trẻ theo lứa tuổi, qui trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non. Thiết kế và tổ chức thực hành giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ. Tổ chức tham quan, tìm hiểu các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe tại các trường Mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kỹ năng trong đánh giá sức khỏe của trẻ, qui trình tổ chức thực hiện vệ sinh, kỹ năng tổ chức chế độ dinh dưỡng phù hợp theo các lứa tuổi, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hành giáo dục vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ. Đánh giá thực trạng về qui trình tổ chức vệ sinh, tổ chức chế độ dinh dưỡng cho trẻ trong thực tế.</p>	<p>Văn Dân (2008), <i>Giáo trình vệ sinh - dinh dưỡng</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Phạm Mai Chi, Vũ Yến Khanh, Nguyễn Thị Hồng Thu (2013), <i>Các hoạt động giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non</i>. NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lê Thị Mai Hoa (2016), <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Hoàng Thị Phương (2008), <i>Giáo trình vệ sinh trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p>	
b	146052	<p>Tổ chức các HĐ giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN, 2TC</p>	<p><b>Nội dung học phần:</b> Gồm 7 chương: Chương 1: Một số vấn đề về phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non. Chương 2: Tổ chức các hoạt động giáo dục phòng các bệnh thường gặp cho trẻ ở trường mầm non. Chương 3: Tổ chức các hoạt động sơ cứu ban đầu 1 số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Lê Thị Mai Hoa (2017), <i>Bệnh trẻ em</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lê Thị Thanh Vân (2002), <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Bộ Y tế - Viện dinh dưỡng (1998), <i>Dinh dưỡng</i></p>



			<p>Chương 4: Tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo an toàn và phòng tránh 1 số tai nạn thường gặp cho trẻ ở trường mầm non. Chương 5: Tổ chức các hoạt động xử lý ban đầu 1 số tai nạn thường gặp cho trẻ ở trường mầm non. Chương 6: Thiết kế các hoạt động giáo dục lồng ghép phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp theo chủ đề. Chương 7: Thực hành tại phòng thí nghiệm</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kiến thức về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục phòng bệnh và tai nạn xảy ra hàng ngày đối với trẻ; kỹ năng tuyên truyền giáo dục về các biện pháp phòng bệnh, bảo vệ và phòng tránh các tai nạn đối với trẻ</p>	<p><i>hợp lý và sức khoẻ.</i>, NXB Y học Hà Nội.</p>
44	147054	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi, 3 TC	<p><i>Nội dung học phần:</i> 8 chương: Gồm các vấn đề chung về đồ chơi, quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; ý nghĩa giáo dục của đồ chơi, các nguyên tắc, kỹ thuật phóng tranh, làm đồ chơi học tập, làm đồ chơi sân khấu âm nhạc, bồi giấy, làm đồ chơi mô tả hình tượng, làm đồ chơi trang trí, làm đồ chơi xây dựng, cách bảo quản đồ làm đồ chơi trong trường mầm non; các kỹ năng làm</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đặng Hồng Nhật. <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em làm đồ chơi (Quyển 2)</i>. Nxb Đại học Quốc gia. 2001.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Lê Đình Bình (2001), <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em (Quyển 1)</i>. Nxb Đại học Quốc gia.</p> <p>2. Đàm Hồng Quỳnh,</p>

			<p>đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên biết vận dụng kỹ năng, kỹ xảo để làm một số loại đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng dạy học từ các loại nguyên vật liệu khác nhau, phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non. Biết cách phối hợp hiệu quả giữa đồ chơi với trò chơi, biết sắp xếp bảo quản đồ chơi cũng như đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ khi chơi.</p>	<p>Nguyễn Nghiệp (2003.), <i>Tự làm đồ chơi gấp hình</i>. Nxb Giáo dục.</p> <p>3. Phạm Mai Chi, Phùng Thị Tường (2002), <i>Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ em</i>. Nxb Giáo dục.</p>
45	132005	Kiến tập sư phạm, 2 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Sinh viên kiến tập ở các trường mầm non: dự giờ, phân tích các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục ở từng độ tuổi. Tìm hiểu các loại hình giáo dục mầm non, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu Giáo dục Mầm non, chương trình giáo dục mầm non đang thực hiện tại trường. Bước đầu tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề như: quản lý lớp, chăm sóc giáo dục trẻ, tập lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi, tập tổ chức các hoạt động chơi và học ở các độ tuổi, làm quen với trường lớp mầm non nhằm chuẩn bị tốt cho công tác thực tập sư phạm ở học kì 8.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp</p>	

			<p>cơ bản: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục.</p>	
46	145056	Thực tập sư phạm, 5 TC	<p>Nội dung học phần: Sinh viên tìm hiểu toàn diện về thực tiễn giáo dục mầm non về chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non, giáo viên mầm non, về chương trình giáo dục mầm non, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường mầm non; làm quen với việc lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi; làm quen với việc quản lý trẻ và giao tiếp với trẻ, tập soạn giáo án, tập giảng dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp vững chắc của GVMN: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở bậc mầm non theo độ tuổi; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục. Kỹ năng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.</p>	
47	Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN			
*	Khoá luận tốt nghiệp			

	145057	Khoá luận tốt nghiệp	<p><b>Nội dung học phần:</b> Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực giáo dục mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Sinh viên có những kinh nghiệm, khả năng thực tế; học hỏi và có cách nhìn nhận, phân tích vấn đề, cách ứng dụng lý thuyết vào thực tế.</p>	
* HP thay thế KLTN : Chọn 2 trong 4 học phần sau				
a	146040	Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ theo hướng tích hợp; Quy trình TCHĐ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ; Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo: luyện phát âm đúng, phát triển từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc; TCHĐ dạy trẻ làm quen với chữ cái.</p> <p>- <b>Năng lực sinh viên đạt được sau khi kết thúc học phần:</b> Năng lực tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi nhà trẻ; Năng lực tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo; Năng lực tự cập nhật những đổi mới về phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Đinh Thanh Tuyền (2019), <i>Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</i>, NXB ĐHSP</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Hà Nguyễn Kim Giang (2015), <i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</i>. NXB Giáo dục VN.</p> <p>2. Nguyễn Thị Hoa (2018). <i>Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>. NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>3. Đinh Hồng Thái (chủ biên), Trần Thị Phương (2015), <i>Hình thành kỹ năng đọc viết ban đầu cho trẻ em tuổi mầm non</i>. NXB ĐHQGHN.</p>
b	145058	Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ	<p><b>Nội dung học phần :</b> Những đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý (2013). <i>Văn học thiếu nhi với giáo</i></p>

		mầm non	<p>cho trẻ mầm non; Vai trò của văn học thiếu nhi đối với giáo dục trẻ mầm non; Sử dụng tác phẩm văn học trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; Văn học thiếu nhi trong chương trình giáo dục trẻ; Tuyển chọn tác phẩm văn học phù hợp với các chủ đề trong năm học, phù hợp với các hình thức tổ chức hoạt động ở trường mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Năng lực lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp với các nhóm/lớp mầm non; Năng lực đánh giá và phân tích tác phẩm văn học dành cho trẻ; Năng lực khai thác nội dung tác phẩm và các bài học giáo dục từ tác phẩm để truyền đạt cho trẻ; Năng lực tạo ra ở trẻ niềm say mê, yêu thích tác phẩm văn học.</p>	<p><i>dục trẻ em lứa tuổi mầm non.</i> NXB Đại học Sư phạm.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lã Thị Bắc Lý (2013), <i>Giáo trình văn học trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm.</li> <li>2. Nguyễn Thị Hoa (2018), <i>Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>, NXB Đại học Sư phạm.</li> </ol>
c	144044	Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Trang bị và bổ sung cho người học những vấn đề cơ bản của lý luận hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non: Vai trò của các hoạt động làm quen với toán đối với sự phát triển của trẻ; Đặc điểm phát triển các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu của trẻ mầm non; Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán theo hướng đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện tại,</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga (2013), <i>Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1] Đỗ Thị Minh Liên (2008), <i>Giáo trình cho trẻ mầm non làm quen với toán</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>[2] Nguyễn Duy Thuận, Trịnh Minh Loan (1998), <i>Toán và phương pháp cho</i></p>

			<p>cùng với một hệ thống các hoạt động hỗ trợ quá trình làm quen với toán của trẻ mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học cập nhật những vấn đề cơ bản về lý luận và tổ chức thực hiện chương trình hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ; Hiểu sâu sắc hệ thống các hoạt động hỗ trợ hình thành các biểu tượng toán cho trẻ, từ đó có thể chỉ đạo hoặc linh hoạt, sáng tạo vận dụng vào quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ làm quen với toán.</p>	<p><i>trẻ làm quen với các biểu tượng sơ đẳng về toán</i>, NXB Giáo Dục.</p>
b	144023	Các hoạt động làm quen với toán của trẻ MN, 3 TC	<p><b>Nội dung học phần:</b> Trang bị và bổ sung cho người học những vấn đề cơ bản của lý luận hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non: Vai trò của các hoạt động làm quen với toán đối với sự phát triển của trẻ; Đặc điểm phát triển các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu của trẻ mầm non; Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán theo hướng đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện tại, cùng với một hệ thống các hoạt động hỗ trợ quá trình làm quen với toán của trẻ mầm non.</p> <p><b>Năng lực đạt được:</b> Người học cập nhật những vấn đề cơ bản về lý luận và tổ chức thực hiện chương trình hình</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> [1] Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga (2013), <i>Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1] Đỗ Thị Minh Liên (2008), <i>Giáo trình cho trẻ mầm non làm quen với toán</i>, NXB Đại học sư phạm. [2] Đinh Thị Nhung (2001), <i>Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo</i>, Q1, 2. NXB Đại học sư phạm.</p>

			thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ; Hiểu sâu sắc hệ thống các hoạt động hỗ trợ hình thành các biểu tượng toán cho trẻ, từ đó có thể chỉ đạo hoặc linh hoạt, sáng tạo vận dụng vào quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ làm quen với toán.	
--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

Được tách ra từ bảng 8 và trình bày theo mẫu

### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1 (Kỳ 3)	Học kỳ 2(Kỳ 4)
196055, Triết học Mác-Lênin	196060, Kinh tế chính trị mác-Lênin	196065, Chủ nghĩa xã hội khoa học	198030, Lịch sử Đảng CSVN
145046, Tiếng việt và tiếng việt thực hành	121005, Cơ sở văn hóa VN	197030, Pháp luật đại cương	197035, Tư tưởng HCM
133031, Tiếng Anh 1	133032, Tiếng Anh 2	245091, Văn học dân gian	147051, Âm nhạc (KTCB)
173080, Tin học	191005, Giáo dục thể chất 2	145100, Đại cương về văn học VN	182021, Giáo dục học MN
181145, Tâm lý học đại cương	181007, Tâm lý học MN	133033, Tiếng Anh 3	146026 Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN
144001, Toán cơ sở	Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GDMN	182015, Giáo dục học đại cương	147011 Mỹ thuật kiến thức nâng cao
191004, Giáo dục thể chất 1	Giáo dục môi trường ở trường MN	Văn học trẻ em 3TC	147008 Mỹ thuật ứng dụng
	147105, Mỹ thuật cơ bản	146021 Sinh lý trẻ em	145040, Phương pháp nghiên cứu KHGD
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (Kỳ 5)	Học kỳ 2 (Kỳ 6)	Học kỳ 1(Kỳ 7)	Học kỳ 2 (Kỳ 8)

146051 Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	145010, Dinh dưỡng trẻ em	198000, Quản lý HCNN và QLGD	145056, Thực tập sư phạm
144024, Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ MN	245062, Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN	149001, Lí luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	145057, Khóa luận tốt nghiệp
145048, Lí luận & PP cho trẻ làm quen TP văn học	146023, Vệ sinh an toàn thực phẩm	146012, Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tuổi MN	144044, Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học
144105, LL & PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	143014, Lí luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN	147014, Lí luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ MN	144023, Các hoạt động làm quen với toán của trẻ MN
147024, Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	147091, PP tổ chức HĐ âm nhạc cho trẻ MN	144007, Ứng dụng CNTT trong GDMN	146040, Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ
132005 Kiến tập sư phạm	144006, Lí luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ	146049 Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN	Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ mầm non
147062, Đàn organ – chỉ huy dàn dựng	144008 Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ	146052 Tổ chức các hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	
147056, Âm nhạc (KT nâng cao)	145021 Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ MN		
147040, Vệ sinh trẻ em			

#### 4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
--------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------	--------	--------	--------	--------	--------



Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Triết học MLN		3		1					1	1				2	
Kinh tế chính trị MLN		3		1										1	2
Chủ nghĩa xã hội KH		3		1										1	1
Lịch sử Đảng CSVN		3												1	2
Tư tưởng HCM		3											2	2	3
Pháp luật ĐC		3											2		2
Tiếng việt và TVTH	2										3		2		3
Cơ sở văn hóa VN					3								3		2
Văn học dân gian					2						2			2	
Đại cương về văn học VN					2						2			2	
Tiếng Anh 1	3														
Tiếng Anh 2	3														
Tiếng Anh 3	3														
PP nghiên cứu KHGD					3				2					2	2
Tin học			3												
Toán cơ sở					3							3			
Tâm lý học đại cương				3										2	3
Giáo dục học đại cương									2						3
Quản lý HCNN & QLGD				3					2				1		
Giáo dục thể chất 1					3										

Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Giáo dục thể chất 2					3										
Giáo dục QP		3			1										
Văn học trẻ em											3			2	
Mỹ thuật cơ bản		2					3		3						
Âm nhạc và Múa (KT cơ bản)						3			1					3	
Tâm lý học MN				3				2							3
Giáo dục học MN									3				2	2	
Sinh lý trẻ em								3							
Dinh dưỡng trẻ em								3							
Phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ MN								3						2	
Vệ sinh trẻ em								3						3	
Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN								3						2	
Vệ sinh an toàn thực phẩm								3						2	
Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GDMN										3				2	2
Giáo dục môi trường ở trường MN										3				3	2

Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN										3				2	3
Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ MN					3										3
Đàn organ – chỉ huy dàn dựng						3								2	2
Âm nhạc (kiến thức nâng cao)						3									2
Mỹ thuật KTNC							3							2	2
Mỹ thuật ứng dụng							3							2	
Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi MN										3				2	
LL & PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN							3							3	3
PP tổ chức HĐ âm nhạc cho trẻ MN						3								3	3
LL & PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN											3		3	2	
LL & PP cho trẻ LQ TPVH											3		3	2	
Hình thành	1										3		2	3	

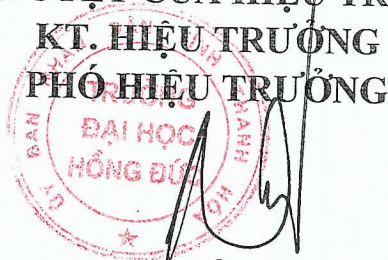
Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
khả năng tiên đọc, viết cho trẻ mầm non															
LL & PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho TE												3		2	
LL & PP giáo dục thể chất cho trẻ MN														2	3
LL & PP HD trẻ khám phá MTXQ										3				2	
Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ										3				2	3
Ứng dụng CNTT trong GDMN			3										1		
Tổ chức thực hành vệ sinh DD cho trẻ MN								3						2	3
Tổ chức các HĐ GD phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ MN								3						2	3
Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi							3							2	
Kiến tập sư phạm				3		2	2								
Thực tập SP				3		3	3								

Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Khóa luận TN		2											3	3	
Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ											3			2	2
Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ mầm non											3				2
Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học												3		2	2
Các HĐ làm quen với toán của trẻ MN												3			2

*Ghi chú:* Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG      LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT  
 KT. HIỆU TRƯỞNG  
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Lê Hoàng Bá Huyền

Cao Xuân Hải